

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn”, giữa:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thị L – sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn 1, Khe Gát, xã XT, huyện BT, tỉnh QB.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Nh – sinh năm 1972;

Địa chỉ: 9/2, Tổ 29, Khu phố 2, phường TTN, Quận 12, TP.HCM.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn Nh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn Nh thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Các đương sự xác định không có.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có.

2.4. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

2.5. Về án phí: Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, bà Lê Thị L tự nguyện nộp, nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0046932 ngày 24/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12. Hoàn lại cho bà Lê Thị L số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2010 do Ủy ban nhân dân xã XT, huyện BT, tỉnh QB cấp ngày 20/9/2010 không còn giá trị.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- UBND xã XT, huyện BT, tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Túy Như